

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 47/TCT-BQLDA ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Tổng Công ty Viglacera – CTCP về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu công nghiệp Phú Hà, giai đoạn I - Phân khu phía Nam” (kèm theo hồ sơ);

Theo đề nghị của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Tổng Công ty Viglacera – CTCP, địa chỉ tại tầng 16, 17 Toà nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khu công nghiệp Phú Hà, giai đoạn I - Phân khu phía Nam” có địa chỉ tại các xã Hà Lộc, Phú Hộ và Hà Thạch, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ với nội dung như sau.

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Khu công nghiệp Phú Hà, giai đoạn I - Phân khu phía Nam”.

1.2. Địa điểm hoạt động: các xã Hà Lộc, Phú Hộ và Hà Thạch, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 4710353423 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ cấp, chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 12 năm 2014; chứng nhận thay đổi lần thứ 2, ngày 18 tháng 12 năm 2019; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0100108173 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 26 tháng 02 năm 2018.

1.4. Mã số thuế: 0100108173.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư: Công nghiệp vật liệu xây dựng và cơ khí; công nghiệp công nghệ cao; máy tính; thông tin nổi mạng, truyền dẫn và các sản phẩm linh kiện đi kèm; công nghiệp

điện tử, tiêu dùng cao cấp; công nghiệp thực phẩm, chế biến nông lâm thủy sản; kho vận, kho hàng trung chuyển; các ngành công nghiệp sạch khác như: công nghiệp nhẹ, hàng tiêu dùng, dược phẩm; thức ăn gia súc.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Tổng diện tích đã hoàn thành: 114,32 ha.
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty Viglacera – CTCP:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Tổng Công ty Viglacera – CTCP có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép

này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày 24... tháng 02... năm 2023 đến ngày 23... tháng 02... năm 2030).

Các Giấy phép môi trường thành phần (gồm: Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 27/GXN-BTNMT ngày 29 tháng 4 năm 2021 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp và Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi số 35/GP-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ cấp) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- PTTgCP, Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Phú Thọ (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Tổng Công ty Vigalacera-CTCP;
- Lưu: VT, KSONMT, Đ12.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 43.../GPMT-BTNMT ngày 24 tháng 02 năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

1.1. Nguồn số 01: Nước thải từ các cơ sở thứ cấp tại phân khu phía Nam, Khu công nghiệp Phú Hà - Giai đoạn I. Nước thải được xử lý sơ bộ tại các cơ sở đến khi đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B mới được đầu nối thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của phân khu phía Nam, Khu công nghiệp Phú Hà - Giai đoạn I có tổng công suất thiết kế 2.500 m³/ngày (24h) để xử lý.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà ở công nhân. Nước thải được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của phân khu phía Nam, Khu công nghiệp Phú Hà - Giai đoạn I có tổng công suất thiết kế 2.500 m³/ngày (24h) để xử lý.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành, dịch vụ, phòng thí nghiệm và khu đầu mối kỹ thuật tại phân khu phía Nam, Khu công nghiệp Phú Hà - Giai đoạn I. Nước thải được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của phân khu phía Nam, Khu công nghiệp Phú Hà - Giai đoạn I có tổng công suất thiết kế 2.500 m³/ngày (24h) để xử lý.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: ngòi thủy lợi Vĩnh Mộ do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Phú Thọ quản lý. Nước thải sau xử lý từ ngòi thủy lợi Vĩnh Mộ chảy qua các hệ thống tiêu dẫn trong khu vực ra sông Hồng.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Bờ hữu ngòi thủy lợi Vĩnh Mộ, tại thượng lưu cống qua đường tỉnh lộ 320B (Km3+114) tiêu nước lưu vực cho xã Hà Lộc và xã Hà Thạch thải vào ngòi thủy lợi Vĩnh Mộ.

- Tọa độ vị trí điểm xả X(m) = 2369261,74; Y(m) = 552354,47 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 104°45').

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.500m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ 02 Mô-đun xử lý nước thải tập trung được xả qua mương quan trắc tự động rồi để tự chảy ra ngòi thủy lợi Vĩnh Mộ.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày, thời gian xả liên tục trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp

ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, $K_d = 0,9$ và $K_r = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần số quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	6-9		
3	COD	mg/L	67,5		
4	TSS	mg/L	45		
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	4,5		
6	Độ màu	Pt-Co	50	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
7	BOD ₅ (20°C)	mg/L	27		
8	Asen	mg/L	0,045		
9	Thủy ngân	mg/L	0,0045		
10	Chì	mg/L	0,09		
11	Cadimi	mg/L	0,045		
12	Crom (VI)	mg/L	0,045		
13	Crom (III)	mg/L	0,18		
14	Đồng	mg/L	1,8		
15	Kẽm	mg/L	2,7		
16	Niken	mg/L	0,18		
17	Mangan	mg/L	0,45		
18	Sắt	mg/L	0,9		
19	Tổng Xianua	mg/L	0,063		
20	Tổng Phenol	mg/L	0,09		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,5		
22	Sunfua	mg/L	0,18		
23	Florua	mg/L	4,5		
24	Tổng Nito	mg/L	18		
25	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	3,6		
26	Clorua	mg/L	450		
27	Clo dư	mg/L	0,9		
28	Coliform	MPN/100 mL	3000		
29	Tổng hoạt độ phóng xạ anpha	Bq/L	0,1		
30	Tổng hoạt độ phóng xạ Beta	Bq/L	1,0		
31	Tổng hóa chất	mg/L	0,45	01 năm/lần	-

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần số quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
	bảo vệ thực vật clo hữu cơ				
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/L	0,27		
33	Tổng PCB	mg/L	0,0027		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải hoàn toàn riêng biệt với thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: Nước thải được xử lý sơ bộ tại các cơ sở đến khi đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sau đó được đầu nối thu gom theo hệ thống cống thu gom chung của khu công nghiệp chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của phân khu phía Nam, Khu công nghiệp Phú Hà - Giai đoạn I có tổng công suất thiết kế 2.500 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nguồn số 2: Nước thải được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sau đó được bơm vào đường ống PND160 dẫn về hố gom của phân khu phía Nam, khu công nghiệp sau đó theo hệ thống cống thu gom chung của khu công nghiệp chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của phân khu phía Nam, Khu công nghiệp Phú Hà - Giai đoạn I có tổng công suất thiết kế 2.500 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

+ Nguồn số 03: Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được xả vào hệ thống cống thu gom bằng bê tông cốt thép sau đó được dẫn chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của phân khu phía Nam, Khu công nghiệp Phú Hà - Giai đoạn I có tổng công suất thiết kế 2.500 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung, tổng công suất thiết kế 2.500 m³/ngày (24 giờ) bao gồm đơn nguyên, mỗi đơn nguyên có công suất thiết kế là 1.250 m³/ ngày đêm; sử dụng chung Hố bơm nước thải, Song chắn rác, Bể lắng cát và tách dầu mỡ, Bể điều hoà. Nước thải sau xử lý từ 2 hệ thống cùng dẫn ra Hệ thống quan trắc tự động sau đó được xả ra ngòi thủy lợi Vĩnh Mộ. Cụ thể như sau:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nguồn số 01, 02, 03) → Song chắn rác → Hố bơm nước thải → Song chắn rác tinh → Bể lắng cát và tách dầu mỡ → Bể điều hoà → Bể phản ứng → Bể điều keo tụ, tạo bông → Bể lắng sơ cấp → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng thứ cấp → Ngăn trung gian → Bể khử trùng → Hệ thống quan trắc tự động → Ngòi thủy lợi Vĩnh Mộ.

- Công suất thiết kế: 2.500 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl, NaOH, PAC, Polymer Cation, Dextro

Monohydrate (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.
- Vị trí lắp đặt: tại cuối đường ống dẫn nước thải sau xử lý từ bể khử trùng sang trạm quan trắc tự động, rồi xả ra ngòi thủy lợi Vĩnh Mộ
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS và Amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.
- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố cho hệ thống xử lý nước thải tập trung có thể tích 7.500 m³. Thành hồ đổ bê tông xi măng, lòng hồ được lót lớp vải địa kỹ thuật chống thấm.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, đóng van xả nước thải sau xử lý ra môi trường. Nước thải vượt quy chuẩn sẽ được bơm cưỡng bức vào hồ sự cố trước khi bơm về các đơn nguyên xử lý nước thải để xử lý lại.

- Trường hợp 01 trong 02 đơn nguyên xử lý nước thải gặp sự cố thiết bị, nước thải được xử lý bằng đơn nguyên còn lại, đồng thời nước thải từ đơn nguyên bị sự cố được bơm về hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ hồ sự cố về hồ bơm nước thải chung của các đơn nguyên xử lý nước thải để xử lý lại.

- Trường hợp cả 02 đơn nguyên xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải tại các đơn nguyên và nước thải đầu vào sẽ được bơm về hồ sự cố để lưu giữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về hồ gom nước thải chung của các đơn nguyên xử lý nước thải để xử lý lại.

- Ban hành tiêu chuẩn đầu nổi nước thải trong khu công nghiệp, buộc các doanh nghiệp thứ cấp xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nổi trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	5,5 - 9
3	Màu	Pt/Co	150
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1,0
13	Đồng	mg/l	2,0
14	Kẽm	mg/l	3,0
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1,0
17	Sắt	mg/l	5,0
18	Tổng xianua	mg/l	0,1
19	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
20	Clo dư	mg/l	2,0
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6,0
25	Tổng nitơ	mg/l	40
26	Clorua	mg/l	1.000
27	Tổng PCB	mg/l	0,01
28	Tổng phenol	mg/l	0,5
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1,0
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0
33	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Đơn nguyên số 02 của Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 1.250m³/ngày (24 giờ)

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại đầu vào và đầu ra nước thải sau xử lý của mô-đun số 02.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của đơn nguyên số 02 của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (do đặc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải vận hành thử nghiệm) trong ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (do đặc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải vận hành thử nghiệm) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của “Khu công nghiệp Phú Hà, giai đoạn I - Phân khu phía Nam” và nước thải sinh hoạt từ khu nhà ở công nhân, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của “Khu công nghiệp Phú Hà, giai đoạn I - Phân khu phía Nam”.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì cần phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước

thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Tổng Công ty chịu trách nhiệm ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị quản lý công trình thủy lợi và chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định. Trường hợp việc xả nước thải sau xử lý gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng của công trình thủy lợi, Tổng Công ty phải phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý công trình thủy lợi để giải quyết theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

3.7. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Tổng Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.8. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.9. Tổng Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. *tr*

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...43.../GPM-T-BTNMT ngày 24. tháng 02... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng, công suất 220 kVA

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**2.1. Vị trí xả khí thải**

- Dòng số 01: toạ độ X(m) = 552155,51; Y(m) = 2369317,83; (theo hệ toạ độ VN 2.000; múi chiều 3°; kinh tuyến trực 104°45') (theo đề nghị của chủ cơ sở).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.208 m³/giờ

2.2.1. Phương thức xả thải khí thải:

- Nguồn số 01: gián đoạn, không thường xuyên.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (K_p=1; K_v=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần số quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	SO ₂	mg/Nm ³	500		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	1.000		
4	CO	mg/Nm ³	1.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: Không có

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không.

3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

3.1. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (công suất 220 KVA) chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng cho máy phát điện phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.2. Định kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị để hạn chế phát sinh khí thải.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...43../GPMT-BTNMT ngày 24. tháng 02. năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy bơm thổi khí.
- Nguồn số 02: Máy ép bùn.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: (theo hệ tọa độ VN 2.000; múi chiều 3°; kinh tuyến trực 104°45').

- Nguồn số 01: Tọa độ: X(m) = 552181; Y(m) = 2369261.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X(m) = 552177; Y(m) = 2369259.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X(m) = 552155; Y(m) = 2369317.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26: 2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27: 2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 6-21 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 6-21 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Phân lập các khu vực gây ồn cao bằng các phương pháp cách ly, cách âm, không vận hành quá tải máy móc và thiết bị, luôn bảo dưỡng và thay thế định kỳ, đảm bảo tốt các điều kiện kỹ thuật làm việc của máy móc thiết bị. Vận hành thiết bị theo quy trình, quy phạm.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đúc móng máy đủ khối lượng (bê tông mác cao), tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền; Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 43/GPMT-BTNMT ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	5
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	1.700
3	Ắc quy chì thải	19 06 01	10
4	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 02 02	600
Tổng khối lượng			2.315

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	4
Tổng khối lượng		4

1.3. Chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát khác (như bùn thải từ các hệ thống xử lý nước thải, chất hấp thụ, vật liệu lọc...) theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thùng composite dung tích 240 lít, có nắp đậy và bánh xe.
- Bao bì mềm PE, PP hai lớp.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.2.1. Kho lưu giữ chất thải nguy hại số 01:

- Diện tích: 21,2m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây tường gạch, mái lợp tôn, nền tôn cao bê tông chống thấm, có đường rãnh thu gom chất lỏng rò rỉ, có biển báo và dán nhãn theo quy định.

2.2.2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại số 02:

- Diện tích: 42,2 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây tường gạch, và quây tấm nhựa lầy sáng trắng mái lợp tôn; nền tôn cao bê tông chống thấm, có đường rãnh thu nước rò rỉ, biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/ND-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/ND-CP.

✓

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 43./GPM-TBTNMT ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 342/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phú Hà - Giai đoạn I, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ”, cụ thể như sau:

1.1. Các hạng mục công trình:

- Hoạt động san nền; hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng bao gồm: hệ thống điện - chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống đường giao thông; hệ thống cấp nước; khu dịch vụ công cộng. Thực hiện phân khu chức năng trong khu công nghiệp như đã được phê duyệt đảm bảo diện tích đất dành cho cây xanh tối thiểu đạt 10% tổng diện tích đất khu công nghiệp.

1.2. Các công trình bảo vệ môi trường:

- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa – nước thải của phân khu phía Bắc Khu công nghiệp.

- Xây dựng kho lưu giữ chất thải rắn nguy hại và các thiết bị lưu chứa chất thải rắn đảm bảo theo quy định.

- Xây dựng hồ sự cố dung tích lưu chứa dự tính khoảng 15.000 m³.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động để kiểm soát liên tục lưu lượng (đầu vào - đầu ra) và các thông số trong nước thải tại cửa xả đầu ra của mỗi trạm xử lý nước thải tập trung: nhiệt độ, pH, COD, chất rắn lơ lửng, Amoni.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải số 2 tại phân khu phía Bắc, khu công nghiệp với công suất 5.000 m³/ngày đêm; nước thải sau xử lý tại hệ thống đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A với các hệ số K_q = 0,9; K_r phù hợp trước khi thải ra kênh Lò Lợn.- Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất thiết kế 5.000 m³/ngày (24 giờ) dự tính được lắp đặt như sau: Nước thải → Song chắn rác → Hồ bơm → Tách rác → Bể lắng cát và tách dầu mỡ → Bể điều hoà → Bể phản ứng → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng sơ cấp → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng thứ cấp → Ngăn trung gian → Bể khử trùng → Hệ thống quan trắc tự động → Kênh Lò Lợn.

2. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, Tổng công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài

nguyên và Môi trường để được xem xét cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.
4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.
5. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.
6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./*tr*